

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân
cho sinh viên các khóa – hệ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/04/2017 của Giám đốc ĐHQG TP.HCM về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09/08/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên hệ đại học chính quy họp ngày 05/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân cho 58 sinh viên các khóa hệ đại học chính quy, gồm có:

Stt	Ngành đào tạo	Số lượng
1	Kinh tế	05
2	Kinh tế quốc tế	07
3	Tài chính – Ngân hàng	03
4	Kế toán	05
5	Hệ thống thông tin quản lý	09
6	Quản trị kinh doanh	06
7	Kinh doanh quốc tế	02
8	Kiểm toán	04
9	Luật kinh tế	04
10	Luật	11
11	Marketing	02



(danh sách đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Khoa/Bộ môn, đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 1481/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 05/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế - Luật)

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K114060991	HOÀNG THỊ HẰNG	Nữ	18/12/1993	QSKA.01013	Khánh Hoà	2NT		7.47	Khá	K11406	Hệ thống thông tin quản lý
2	K124061049	HOÀNG ĐỨC TIN	Nam	20/02/1990	03403	Bình Thuận	3		6.79	Trung bình khá	K12406	Hệ thống thông tin quản lý
3	K134060649	VŨ HẢI DƯƠNG	Nam	25/12/1994	QSKA.00413	Bình Dương	2	06	7.16	Khá	K13406	Hệ thống thông tin quản lý
4	K134060660	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	05/02/1995	QSKA.00678	Thái Bình	2NT		6.90	Trung bình khá	K13406	Hệ thống thông tin quản lý
5	K134060716	NGUYỄN THỊ DẠ THẢO	Nữ	01/10/1995	QSKD1.09809	Phủ Yên	2		7.31	Khá	K13406	Hệ thống thông tin quản lý
6	K134061804	ĐÀO ĐỨC YÊN	Nam	24/05/1995	CSSA.05316	Bà Rịa - Vũng Tàu		00	6.98	Trung bình khá	K13406	Hệ thống thông tin quản lý
7	K144060814	LÝ KIM THÚY	Nữ	21/12/1996	1831	Đồng Nai	1	00	7.67	Khá	K14406	Hệ thống thông tin quản lý
8	K144111391	PHẠM QUỐC CƯỜNG	Nam	04/10/1996	207	Đồng Nai	1		7.58	Khá	K14411	Hệ thống thông tin quản lý
9	K144111411	PHẠM HOÀNG LINH	Nữ	26/03/1996	6441	Bình Định	2NT		7.70	Khá	K14411	Hệ thống thông tin quản lý
10	K114050902	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	27/05/1993	QSKA.02709	Hà Nội	1	06	7.68	Khá	K11405B	Kế toán
11	K124052261	LỖ VIỆT DŨNG	Nam	26/04/1993	00778	Vĩnh Phúc	3	00	6.10	Trung bình khá	K12405	Kế toán
12	K134050557	HOÀNG HÀ	Nam	28/09/1995	QSKA.00546	Đồng Tháp	1	00	7.82	Khá	K13405	Kế toán
13	K144050665	NGUYỄN HOÀNG KHANG	Nam	23/05/1996	769	Đồng Tháp	2		6.41	Trung bình khá	K14405	Kế toán
14	K144050692	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	27/10/1996	1283	Đắk Lắk	1		7.22	Khá	K14405	Kế toán
15	K134091072	NGÔ VĂN KHƯƠNG	Nam	21/03/1995	QSKA.01073	Quảng Trị	2		7.02	Khá	K13409	Kiểm toán
16	K144091181	VÕ VĂN ĐẠT	Nam	08/07/1994	4618	Bến Tre	2NT	00	7.27	Khá	K14409	Kiểm toán
17	K144091207	CHU THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	13/09/1995	742	Nghệ An	2NT		7.28	Khá	K14409	Kiểm toán
18	K144091265	LƯU HOÀNG ANH THƯ	Nữ	12/06/1996	1836	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	00	8.09	Giỏi	K14409C	Kiểm toán
19	K144081074	LIÊU PHƯƠNG HẰNG	Nữ	23/10/1995	518	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.24	Khá	K14408	Kinh doanh quốc tế
20	K145021712	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	Nữ	15/08/1996	5528	Tây Ninh	1	00	6.66	Trung bình khá	K14408C	Kinh doanh quốc tế
21	K114030418	PHAN THỊ MỸ NỮ	Nữ	04/12/1992	QSKD1.07296	Bình Định	2NT		7.08	Khá	K11403	Kinh tế

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
22	K124012226	PHẠM THỊ TÂN	Nữ	25/02/1994	04390	Nam Định			7.38	Khá	K12401	Kinh tế
23	K124030508	PHẠM THỊ MAI THY	Nữ	04/05/1994	03346	Bà Rịa Vũng Tàu	2		6.79	Trung bình khá	K12403	Kinh tế
24	K144010075	VÕ THỊ KIM OANH	Nữ	03/03/1996	6718	Hà Tĩnh	2NT		6.95	Trung bình khá	K14401	Kinh tế
25	K144030405	TRƯƠNG THỊ CẨM THÚY	Nữ	25/09/1996	1801	Khánh Hòa	1		7.84	Khá	K14403	Kinh tế
26	K124020280	NGUYỄN CÔNG TUẤN ANH	Nam	19/04/1994	00078	Hà Tĩnh	3		7.25	Khá	K12402B	Kinh tế quốc tế
27	K124020327	VÕ ANH KIẾT	Nam	20/10/1993	01454	Đắk Lắk	1		7.19	Khá	K12402B	Kinh tế quốc tế
28	K134020230	NÔNG THỊ THỦY	Nữ	18/08/1994	DB	Lâm Đồng		01	6.99	Trung bình khá	K13402	Kinh tế quốc tế
29	K134040433	PHẠM THỊ HỒNG LAN	Nữ	02/07/1995	QSKA.03431	Quảng Nam	2NT		8.35	Giỏi	K13402C	Kinh tế quốc tế
30	K144020250	TRỊNH DUY QUANG	Nam	27/09/1996	4098	An Giang	2	00	6.93	Trung bình khá	K14402	Kinh tế quốc tế
31	K144020283	PHẠM THỊ LỘC THIÊN	Nữ	20/04/1995	5722	Đồng Nai	2	00	7.36	Khá	K14402	Kinh tế quốc tế
32	K144020258	NGUYỄN NỮ NHƯ QUỲNH	Nữ	29/07/1996	6540	Gia Lai	1	00	7.98	Khá	K14402C	Kinh tế quốc tế
33	K115041699	NGUYỄN THỊ THANH MIỀN	Nữ	04/04/1993	QSKA.05159	Quảng Ngãi	2NT		7.47	Khá	K11504	Luật
34	K135031450	THẠCH THỊ PHÁT CÀ ĐA	Nữ	08/04/1994	DB	Trà Vinh	1	01	7.30	Khá	K13503	Luật
35	K135031492	VÕ THANH NHÃ	Nam	17/06/1995	QSKA.01595	Thái Nguyên	1		7.66	Khá	K13503	Luật
36	K145031792	NGUYỄN THỊ MỸ HIẾU	Nữ	07/01/1995	559	Khánh Hòa	2NT	00	7.38	Khá	K14503	Luật
37	K145031804	HOÀNG MINH KHÁNH	Nam	13/11/1996	785	Tiền Giang	2	00	7.19	Khá	K14503	Luật
38	K145031811	TRƯƠNG HỮU LỘC	Nam	19/11/1996	981	Bến Tre	1	00	6.75	Trung bình khá	K14503	Luật
39	K145031821	NGUYỄN GIANG NAM	Nam	05/12/1994	1089	Bến Tre	2NT		7.41	Khá	K14503	Luật
40	K145041890	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	Nữ	06/10/1996	648	Lâm Đồng	1		7.69	Khá	K14504	Luật
41	K145041900	TÔNG TIÊU LINH	Nữ	27/03/1996	912	Sông Bé	2		8.24	Giỏi	K14504	Luật
42	K145041906	TRỊNH THỊ THÚY MAI	Nữ	06/04/1996	3362	Thanh Hóa	2NT		7.75	Khá	K14504	Luật
43	K145041929	TRƯƠNG THỊ BÍCH THẢO	Nữ	05/07/1996	1684	Bình Thuận	2		7.06	Khá	K14504	Luật
44	K125011689	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG NGUYỄN	Nữ	16/12/1994	04816	Gia Lai	1		7.02	Khá	K12501	Luật Kinh tế
45	K145011515	LÝ NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	10/07/1996	3269	TP. Hồ Chí Minh	3	00	6.70	Trung bình khá	K14501	Luật Kinh tế
46	K145011537	DƯƠNG TRẦN NGỌC NGA	Nữ	02/05/1996	5183	Quảng Bình	2		7.93	Khá	K14501	Luật Kinh tế
47	K145011612	LÊ NGỌC XUÂN	Nam	27/02/1996	6192	Đắk Lắk	1	00	7.26	Khá	K14501	Luật Kinh tế
48	K144101312	NINH THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	19/05/1996	4649	Sông Bé	1		7.23	Khá	K14410	Marketing
49	K144101318	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	16/08/1996	544	Đắk Lắk	1		7.20	Khá	K14410	Marketing

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
50	K134070750	THI VĂN CƯỜNG	Nam	16/07/1995	QSKD1.09459	Quảng Ngãi	2NT		7.53	Khá	K13407	Quản trị kinh doanh
51	K134070861	NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	Nam	20/08/1994	QSKA.01871	Bình Thuận	1		6.98	Trung bình khá	K13407	Quản trị kinh doanh
52	K134070868	NGUYỄN THỊ BÉ SON	Nữ	24/01/1995	QSKD1.08172	Bến Tre	2NT		7.35	Khá	K13407	Quản trị kinh doanh
53	K144070848	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	28/07/1996	88	Đồng Nai	2NT		7.82	Khá	K14407	Quản trị kinh doanh
54	K144070967	TRƯƠNG THỊ PHUƠNG	Nữ	10/03/1996	5487	Hải Dương	2	00	7.63	Khá	K14407	Quản trị kinh doanh
55	K144071037	HUYỀN THỊ NGỌC VÂN	Nữ	01/11/1996	3996	Đồng Nai	1		6.35	Trung bình khá	K14407	Quản trị kinh doanh
56	K114040627	BÙI THỊ THANH HOA	Nữ	02/03/1993	QSKA.01124	Lâm Đồng	1		6.21	Trung bình khá	K11404B	Tài chính - Ngân hàng
57	K144040442	PHẠM THỊ THU BÁC	Nữ	08/08/1996	4448	Thái Bình	2	00	7.18	Khá	K14404	Tài chính - Ngân hàng
58	K144040629	NGUYỄN ĐĂNG VIỆT	Nam	05/02/1996	2200	Hà Nam	3		6.62	Trung bình khá	K14404	Tài chính - Ngân hàng

Ch Tổng cộng: 58



HIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

